

Bản án số: **46/2022/KDTM – ST**

Ngày 30/09/2021.

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Về thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Lương**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Huy Dũng**

Bà Đỗ Hảo Hoàn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy: Bà **Nguyễn Thị Thảo** – Kiểm sát viên;

Ngày 30/09/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2015/TLST-KDTM ngày 22/01/2015 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2022/QĐXXST-KDTM ngày 24/08/2022 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng T

Trụ sở tại: Số 70 - 72 phố B, quận H, Thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng A - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Việt P, ông Dư Văn G - Cán bộ xử lý nợ. Theo giấy uỷ quyền số 728/2019/UQ-TCB ngày 03/07/2019. (ông P có mặt)

Bị đơn: Công ty cổ phần ô tô Đ

Trụ sở tại: Số 75 phố N, phường T, quận C, thành phố H; Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc T - Chức vụ: CTHĐ quản trị; Đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Văn N - Phó giám đốc Công ty Đ; bà Nguyễn Thị T - Nhân viên Công ty Đ. (ông Ngọc, bà Tân vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Nguyễn Quốc T**

2/ Bà **Đào Thanh H**

Cùng trú tại: Số 3 - 120B phố T, phường L, quận Đ, thành phố H (ông T, bà H vắng mặt)

NHẬN THẤY

Ngày 04/04/2012, Ngân hàng T (Trong bản án viết tắt là Ngân hàng) nộp đơn khởi kiện Công ty cổ phần ô tô Đ (Trong bản án viết tắt là Công ty Đ) về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng và yêu cầu Công ty Đ thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm

tính đến ngày khởi kiện là 2.010.053.075 đồng, bao gồm: 1.600.000.000 đồng nợ gốc và 410.053.075 đồng tiền lãi.

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, đại diện uỷ quyền của nguyên đơn ông Lê Việt P trình bày: Ngày 26/09/2010, Công ty Đ và Ngân hàng kí kết hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số 260910/HĐHMTD/TCB/HQV. Theo đó, Ngân hàng đồng ý cho Công ty Đ vay vốn theo hạn mức tín dụng tối đa là 7.000.000.000 (bảy tỷ) đồng với các Khế ước nhận nợ như sau:

Khế ước	Ngày giải ngân	Ngày đến hạn	Lãi suất	Số tiền giải ngân
LD1134904107	07/06/2011	07/08/2011	20,85%	874.000.000
LD1134904128	14/06/2011	14/08/2011	20.85%	450.000.000
LD1134904122	17/06/2011	17/08/2011	20.85%	275.600.000

Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô

Tài sản bảo đảm cho khoản vay: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Nguyễn Quốc T (chủ tịch Công ty Đ) tại địa chỉ số 25 hẻm 85/43 ngõ T, phường K, quận Đ, thành phố H; Giấy chứng nhận số BA767 801, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00068/ 878.2010.QĐUB ngày 13/4/2010 của UBND quận Đ cho ông Nguyễn Quốc T.

Sau khi vay vốn tại Ngân hàng, Công ty Đ đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng cam kết. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc yêu cầu thanh toán nợ nhưng Công ty đều không trả nợ cho Ngân hàng.

Dư nợ của Công ty Đ tại Ngân hàng tạm tính đến ngày 23/06/2022 là: 7.238.949.170 đồng (trong đó nợ gốc là 1.600.000.000 đồng; lãi trong hạn là 27.602.272 đồng; lãi quá hạn là 5.516.188.604 đồng; Lãi phạt là 95.158.294 đồng).

Nay Ngân hàng khởi kiện Công ty Đ ra trước Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, kính đề nghị Quý Tòa giải quyết các vấn đề sau:

1. Buộc Công ty Đ phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 260910/HĐHMTD/TCB/HQV ngày 26/09/2010 và các khế ước nhận nợ LD1134904107, LD1134904128 và LD1134904122 với tổng nợ tạm tính đến ngày 23/09/2022 là 7.238.949.170 đồng; trong đó: nợ gốc là 1,600,000,000 đồng và 5.638.949.170 đồng nợ lãi (Lãi trong hạn: 27.602.272 đồng, lãi quá hạn: 5.516.188.604 đồng, lãi phạt: 95.158.294 đồng).

2. Buộc Công ty Đ phải thanh toán cho Ngân hàng các khoản lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa thanh toán cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Ngày 16/08/2022, Ngân hàng rút yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ số 25 hẻm 85/43 ngõ T, phường K, quận Đ, thành phố H; Giấy chứng nhận số BA 767801, vào

số cấp giấy chứng nhận số CH00068/878.2010.QĐUB do UBND quận Đ cấp ngày 13/04/2010 cho ông Nguyễn Quốc T. Ngân hàng không yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định tài sản và không yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm trong vụ án.

Tại buổi làm việc ngày 14/08/2012, Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Mai Văn N và bà Nguyễn Thị T trình bày: Chúng tôi xác nhận khoản nợ kể cả lãi suất và gốc tính đến ngày 14/8/2012 là 2.168.623.062 đồng. Chúng tôi nhất trí trả Ngân hàng khoản nợ trên, nhưng do điều kiện Công ty hiện nay khó khăn về tài chính nên chúng tôi thống nhất bàn giao tài sản thế chấp là số nhà 25 hẻm 85/43 ngõ T, phường T, quận Đ, thành phố H. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 767801, số vào sổ cấp GCN: CH 00068/878.2010.QĐUB do UBND quận Đ, thành phố H cấp ngày 13/4/2010 cho Ngân hàng để giải quyết số nợ theo Hợp đồng tín dụng. Hiện nay, ngôi nhà 25 hẻm 85/43 ngõ T, phường T, quận Đ, thành phố H đang do ngân hàng T quản lý. Toàn bộ số tiền thu hồi được từ việc bán, xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của công ty Đ với ngân hàng sau khi trừ đi các chi phí phát sinh trong quá trình khởi kiện và xử lý tài sản. Nếu số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nghĩa vụ trả nợ của công ty Đ với ngân hàng thì công ty Đ có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ. Sau khi bán tài sản thế chấp khấu trừ khoản nợ, nếu Công ty Đ có đơn đề nghị miễn giảm lãi Ngân hàng sẽ xem xét tạo điều kiện miễn giảm cho Công ty Đ. Về án Phí KDTM sơ thẩm Ngân hàng và Công ty Đ mỗi bên chịu một nửa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Quốc T và bà Đào Thanh H trình bày: Ngày 21/9/2010, chúng tôi đã tự nguyện đem tài sản là nhà đất tại số 25 hẻm 85/43 ngõ T, phường T, quận Đ, thành phố H làm tài sản thế chấp bảo lãnh cho Công ty Đ vay khoản tiền 1.600.000.000 đồng của Ngân hàng T. Nay đã quá thời hạn trả nợ, Công ty Đ không còn khả năng trả nợ, chúng tôi thống nhất số tiền Công ty Đ còn nợ lại Ngân hàng bao gồm cả gốc và lãi tính đến ngày 14/8/2012 là 2.148.623.062 đồng. Chúng tôi thống nhất để Ngân hàng phát mại nhà đất thu hồi nợ. Chúng tôi đã bàn giao cho Ngân hàng nhà đất và các giấy tờ liên quan từ ngày 07/12/2011. Đề nghị Ngân hàng sớm bán nhà đất khấu trừ nợ, còn lại bao nhiêu trả cho chúng tôi.

TẠI PHIÊN TÒA

- Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng số 260910/HĐHMTD/TCB/HQV ngày 26/09/2010 với tổng nợ tính đến ngày 30/09/2022 là 7.281.400.862 đồng; trong đó: Nợ gốc là 1,600,000,000 đồng; Nợ lãi: 5.681.400.862 đồng (Lãi trong hạn: 27.602.272 đồng, lãi quá hạn: 5.653.798.590 đồng)

Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn các khoản lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa thanh toán cho nguyên đơn cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Đối với các tài sản bảo đảm trong Hợp đồng tín dụng trên: Ngân hàng xin rút 1 phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu lãi phạt và không yêu cầu Tòa án không xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp. Công ty Đ yêu cầu Ngân hàng chịu ½ án phí, Ngân hàng không nhất trí.

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

PHẦN TRANH LUẬN TẠI PHIÊN TÒA

Tại phiên toà các đương sự có mặt không tranh luận gì thêm

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Bị đơn Công ty Đ hiện có trụ sở tại phường T, quận C. Khi Ngân hàng khởi kiện, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành đầy đủ các bước theo đúng trình tự quy định. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ngày 26/09/2010, Công ty Đ và Ngân hàng kí kết hợp đồng tín dụng số 260910/HĐHMTD/TCB/HQV, sau khi ký hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty Đ như thỏa thuận trong hợp đồng. Do công ty Đ đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Ngân hàng xin rút yêu cầu xử lý tài sản thế chấp và lãi phạt là có căn cứ. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu trên của Ngân hàng.

Sau khi xem xét, đánh giá khách quan, toàn diện những tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy.

NHẬN XÉT CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Ngày 04/04/2012, Ngân hàng nộp đơn khởi kiện Công ty Đ về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng và yêu cầu Công ty Đ thanh toán trả Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày khởi kiện là 2.010.053.075 đồng.

Như vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn Công ty Đ có trụ sở tại số 75 phố N, phường T, quận C. Vì vậy khi Ngân hàng khởi kiện, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại Điều 33, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, mặc dù Tòa án đã tiến hành các biện pháp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng

theo đúng quy định, nhưng họ không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn rút yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo nên họ vắng mặt không ảnh hưởng đến quyền lợi nghĩa vụ của họ trong vụ án này. Do đó, Tòa tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 277, 278 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét Hợp đồng tín dụng số 260910/HĐHMTD/TCB/HQV:

Ngày 26/09/2010, Công ty Đ và Ngân hàng kí kết hợp đồng hạn mức tín dụng số 260910/HĐHMTD/TCB/HQV có giá trị hạn mức tín dụng: 7.000.000.000 đồng. Ngân hàng đã giải ngân 3 khế ước, với tổng số tiền là 1.599.600.000 đồng.

Việc ký Hợp đồng tín dụng số 260910/HĐHMTD/TCB/HQV ngày 26/09/2010 giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không ép buộc, không vi phạm điều cấm của luật. Khi tham gia ký kết hợp đồng cả hai bên đều có đủ năng lực hành vi dân sự nên Hợp đồng tín dụng 260910/HĐHMTD/TCB/HQV ngày 26/09/2010 có hiệu lực pháp luật và hai bên cùng có nghĩa vụ thực hiện.

Quá trình thực hiện hợp đồng do Công ty Đ không thực hiện theo nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng về nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty Đ thanh toán khoản tiền vay là có cơ sở.

[3.2] Xét về nghĩa vụ và số tiền phải thanh toán:

Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện Công ty Đ xác nhận số tiền Công ty Đ còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 14/08/2022 số tiền là: 2.148.623.062 đồng.

Tại phiên tòa Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc Công ty Đ phải trả tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền là: (trong đó

Số nợ của Công ty Đ đã quá hạn nên Ngân hàng khởi kiện, do đó Tòa án buộc Công ty Đ thanh toán trả Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi như Ngân hàng yêu cầu là có căn cứ.

Việc Ngân hàng xin rút yêu cầu Công ty Đ thanh toán lãi phạt là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng.

[4] Về yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn rút yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 25 hẻm 85/43 ngõ T, phường T, quận Đ, Thành phố H; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 767801, số vào sổ cấp GCN: CH00068/878.2010.QĐUB do UBND quận Đống Đa, thành phố Hà Nội cấp ngày 13/4/2010 cho ông Nguyễn Quốc T.

Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện không trái với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ quy định của Pháp luật Hội đồng xét xử đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu xử lý đối tài sản đảm bảo trong vụ án.

[5] Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Quá trình giải quyết vụ án, Công ty Đ yêu cầu Ngân hàng chịu ½ án phí, nhưng Ngân hàng không đồng ý nên Tòa án không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của Công ty Đ về việc buộc Ngân hàng phải chịu ½ án phí.

Công ty Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ngân hàng không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271; điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 280, 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Điều 50, Điều 55, Điều 306, Điều Luật Thương mại năm 2005;

Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp án phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T đối với Công ty Cổ phần Đ.

- Buộc Công ty Đ có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng số tiền là 7.281.400.862 đồng; trong đó: Nợ gốc là 1,600,000,000 đồng; Nợ lãi: 5.681.400.862 đồng (Lãi trong hạn: 27.602.272 đồng, lãi quá hạn: 5.653.798.590 đồng)

Buộc Công ty Đ tiếp tục chịu lãi suất đối với số tiền nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 260910/HĐHMTD/TCB/HQV ngày 26/09/2010 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ. Thời gian tính lãi kể từ ngày 01/10/2022 đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc.

2/ Đình chỉ yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của Ngân hàng T đối với khối tài sản là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ số 25 hẻm 85/43 ngõ T, phường K, quận Đ, thành phố H; Giấy chứng nhận số BA767 801, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00068/ 878.2010.QĐUB ngày 13/4/2010 của UBND quận Đ cho ông Nguyễn Quốc T

3/ Về án phí: Công ty Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 115.281.000 đồng. Ngân hàng T không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí 36.000.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy theo biên lai thu số AB/2010/0002214 ngày 11/06/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với trường hợp cơ quan thi hành án có thẩm quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Cầu Giấy;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Lương

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 30 tháng 09 năm 2022.

Tại: trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Lương**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Dũng

Bà Đỗ Hảo Hoàn

Tiến hành nghị án vụ án thụ lý số 10/2015/TLST-KDTM ngày 22 tháng 01 năm 2015 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng T

Trụ sở tại: Số 70 - 72 phố B, quận H, Thành phố H.

Bị đơn: Công ty Đ

Trụ sở tại: Số 75 phố N, phường T, quận C, thành phố H;

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ các Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271; điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 280, 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Điều 50, Điều 55, Điều 306, Điều Luật Thương mại năm 2005;

Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp án phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3 = 100%.

2. Về nội dung:

. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T đối với Công ty Đ.

- Buộc Công ty Đ có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng số tiền là 7.281.400.862 đồng; trong đó: Nợ gốc là 1,600,000,000 đồng; Nợ lãi: 5.681.400.862 đồng (Lãi trong hạn: 27.602.272 đồng, lãi quá hạn: 5.653.798.590 đồng)

Buộc Công ty Đ tiếp tục chịu lãi suất đối với số tiền nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 260910/HĐHMTD/TCB/HQV ngày 26/09/2010 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ. Thời gian tính lãi kể từ ngày 01/10/2022 đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc.

2/ Đình chỉ yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của Ngân hàng T đối với khối tài sản là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ

số 25 hẻm 85/43 ngõ T, phường T, quận Đ, thành phố H; Giấy chứng nhận số BA767 801, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00068/ 878.2010.QĐUB ngày 13/4/2010 của UBND quận Đ cho ông T

Kết quả biểu quyết: $3/3 = 100\%$.

3/ Về án phí: 3/ Về án phí: Công ty Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 115.281.000 đồng. Ngân hàng T không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí 36.000.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy theo biên lai thu số AB/2010/0002214 ngày 11/06/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với trường hợp cơ quan thi hành án có thẩm quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Kết quả biểu quyết: $3/3 = 100\%$.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày tháng 09 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Lương